

PHỤ LỤC I

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KIỀN BÁI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung:

- Trường THCS Kiền Bái
- Địa chỉ: Thôn 3, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Website: thcskienbai.edu.vn
- Loại hình: Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên

2. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

- Hệ thống giá trị cốt lõi: đoàn kết, khát vọng vươn lên, trung thực, trách nhiệm, sáng tạo, nhân ái, hợp tác.
- Tầm nhìn: Trường THCS Kiền Bái là một trong những trường chuẩn quốc gia mức độ 2, cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng các điều kiện dạy và học trong giai đoạn mới; giáo viên, học sinh tự tin, năng động và có khát vọng vươn lên.
- Sứ mệnh: Tạo dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh và kỷ cương để học sinh tự tin, vui vẻ đến trường, được quan tâm chăm sóc để phát triển toàn diện.

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường THCS Kiền Bái tiền thân là trường Cấp II Kiền Bái được thành lập năm học 1963-1964 tại địa điểm đối diện đình Kiền Bái. Năm học đầu tiên trường có duy nhất 01 lớp 5 gồm học sinh của 3 xã Kiền Bái, Thiên Hương, Lâm Động.

Sau nhiều lần sáp nhập, chia tách và đổi tên, từ năm học 1994-1995 đến nay trường được mang tên là trường THCS Kiền Bái.

Tháng 7/2012 nhà trường được chuyển sang ngôi trường mới khang trang, hiện đại đặt tại địa điểm hiện nay (Thôn 3- xã Kiền Bái - Thủy Nguyên - Hải Phòng).

Giai đoạn từ năm học 2015-2016 đến nay, số lớp, số học sinh liên tục tăng thêm hàng năm (từ 16 lớp với 570 học sinh lên 22 lớp với gần 1000 học sinh). Giai đoạn này tuy còn thiếu về đội ngũ giáo viên và đặc biệt 3 năm, từ 2020 đến 2022 chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch covid-19 nhưng thầy trò nhà trường đã nỗ lực vượt qua khó khăn,

thích ứng, thực hiện linh hoạt các hình thức dạy - học (trực tiếp và trực tuyến) để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Phong trào thi đua dạy tốt - học tốt của nhà trường tiếp tục diễn ra sôi nổi... học sinh của trường đã đạt nhiều giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp thành phố và giành nhiều huy chương trong các kì HKPD các cấp và tham dự HKPD toàn quốc. Các phong trào văn hóa - văn nghệ - TDTT của nhà trường đều được huyện, thành phố đánh giá cao.

Các kì thi vào lớp 10 THPT hàng năm có nhiều học sinh đỗ thủ khoa, á khoa và đặc biệt kì thi vào lớp 10 năm học 2023-2024 có 2 học sinh đỗ thủ khoa, trong đó 1 em là thủ khoa khối không chuyên toàn thành phố.

Trong 10 năm trở lại đây, trường đã vinh dự được đón nhận các danh hiệu như Tập thể Lao động tiên tiến, bằng khen của UBND thành phố Hải Phòng. Năm 2015, trường được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 vào năm 2018.

Tháng 10 năm 2024, trong chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nhà trường một lần nữa được đầu tư xây dựng thêm 1 nhà đa năng diện tích 450 m² và 1 dãy nhà 3 tầng. Khuôn viên hiện nay có diện tích đất sử dụng trên 15.000 m², gồm 4 dãy nhà 3 tầng với đủ các phòng học và phòng chức năng, nhà đa năng, sân chơi, bãi tập. Không gian rộng, thoáng mát đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn.

4. Thông tin người đại diện:

- Họ và tên: Trần Thị Hồng Trân
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Nơi làm việc: Trường THCS Kiên Bái, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng
- Số điện thoại: 0914.486.623
- Địa chỉ thư điện tử: thcskienbai@thuynguyen.edu.vn.

5. Tổ chức bộ máy:

- Tổ chức bộ máy nhà trường: được chia làm 03 tổ gồm: Tổ Văn phòng, tổ KHTN, tổ KHXH gồm 37 cán bộ giáo viên nhân viên.
- Tổng số học sinh toàn trường là 993 gồm 22 lớp: Khối 6 là: 219 học sinh; Khối 7 là: 310 học sinh; Khối 8: 230 học sinh; Khối 9 là: 234

a. Quyết định thành lập:

Quyết định số 482-QĐ/UB ngày 15/8/1992 của UBND huyện Thủy Nguyên về việc thành lập mạng lưới các trường phổ thông thuộc huyện năm học 1992-1993

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

- Danh sách các thành viên Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Thị Hồng Trân	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	
2	Nguyễn Thị Bích	Phó Bí thư Chi bộ - Phó Hiệu trưởng	
3	Phạm Thị Hồng Thắm	Chủ tịch Công đoàn	
4	Lê Thị Huệ	Tổ trưởng Tổ KHTN	
5	Đào Thị Thúy	Tổ trưởng Tổ KHXH	
6	Đỗ Thị Phương Thu	Tổ trưởng tổ văn phòng	
7	Đinh Thị Thanh	TPT Đội	
8	Hoàng Thị Nhung	Kế toán	
9	Phan văn Hưng	Tổ phó tổ KHXH	

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng:

Số 556/QĐ-UBND ngày 25/1/2021 của UBND huyện Thủy Nguyên về việc bổ nhiệm lại hiệu trưởng trường THCS Kiền Bái

- Quyết định bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng: số 1543/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND huyện Thủy Nguyên

d. Quy chế hoạt động của nhà trường:

- Số: 04/QC-THCS ngày 28/9/2023 ban hành quy chế hoạt động của trường THCS Kiền Bái từ năm học 2023 – 2024.

6. Các văn bản khác:

- Số 02/KH-THCS ngày 20/01//2020 của trường THCS Kiền Bái về Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển trường THCS Kiền Bái giao đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030. Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường của trường THCS Kiền Bái ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-THCS ngày 23/9/2021

- Bộ quy tắc ứng xử trong trường ban hành kèm theo quyết định số 53/QĐ-THCS ngày 09/10/2023 của trường THCS Kiền Bái.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	35	0	0	34	0	0	1	0	32	1	0	22	10	0	0
I	Giáo viên															
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	30	0	0	30	0	0	0	0	27	1	0	21	9		
1	Toán	7			7					7			4	3		

2	Lý																
3	Hóa	1			1				1						1		
4	Sinh	2			2				2				1	1			
5	Ngữ văn	6			6				6				5	1			
6	Sử	1			1				1				1				
7	Địa	1			1				1				1				
8	GDCD	1			1				1				1				
9	Tiếng Anh	4			4				4				3	1			
10	Âm nhạc	2			2				2				2				
11	Mỹ thuật	1			1					1			1				
12	Công nghệ	1			1				1					1			
13	Tin học	1			1				1				1				
14	Thể dục	2			2				2				1	1			
II	Cán bộ quản lý	2			2				2				2				
1	Hiệu trưởng	1			1				1				1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1				1				1				
III	Nhân viên	3			2			1									
1	Nhân viên văn thư																
2	Nhân viên kế toán	1			1												
3	Thủ quỹ																
4	Nhân viên y tế																
5	Nhân viên thư viện	1			1												
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm																
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật																
8	Nhân viên công nghệ thông tin																
9	Bảo vệ	1						1									

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường:

Trường THCS Kiên Bái có tổng diện tích: 15.515m²

Diện tích xây dựng: 5.660 m²

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh: 15.6 m²

2. Cơ sở vật chất

- Số lượng, hạng mục, khối công trình hành chính, quản trị: 04
- Số phòng học tập: 22 đủ cho mỗi lớp 1 phòng học riêng
- Số phòng bộ môn: 08- Âm nhạc, Mỹ thuật, tiếng anh, KHTN (02), công nghệ, KHXH, tin học.

- Thư viện có diện tích 114 m², có đầy đủ bàn ghế, tủ sách, sách giáo khoa, sách tham khảo các loại, có máy tính được kết nối Internet.
- Khối phòng hỗ trợ học tập, khu sân chơi, sân tập thể dục thể thao, nhà đa năng,... đáp ứng yêu cầu học tập, vui chơi thể thao của học sinh.

3. Thiết bị dạy học:

- Trường đã trang bị tương đối đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học, cơ bản đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.
- Phòng Tin học có 25 máy tính cho học sinh, 01 máy tính cho GV và được kết nối Internet.
- Trường đang xây dựng 01 phòng học thông minh, có màn hình thông minh, các thiết bị theo yêu cầu.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

4.1. Danh mục lựa chọn SGK lớp 9 năm học 2024-2025:

TT	Tên sách	Bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
2	Khoa học tự nhiên 9	Cánh diều	Đinh Quang Báo	ĐH Sư phạm
3	Tin học 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam
4	Công nghệ 9	Cánh Diều - Định hướng nghề nghiệp - Mô đun lắp mạng điện trong nhà	Nguyễn Trọng Khanh	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
5	Giáo dục thể chất 9	Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc	ĐH Sư phạm
6	Ngữ văn 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lý 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	Giáo dục Việt Nam
8	Tiếng Anh 9	Tiếng anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục công dân 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
10	Âm nhạc 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long	Giáo dục Việt Nam

EN
TRU
NG
TẾ
17

11	Mỹ thuật 9	Chân trời sáng tạo (bản 2)	Nguyễn Thị May	Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9	Chân trời sáng tạo (bản 1)	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục Việt Nam

4.2. Danh mục lựa chọn SGK lớp 8 năm học 2024-2025:

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Toán 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng anh 8	Global Success	Hoàng Văn Vân	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học tự nhiên 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử và địa lý 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 8	Cánh diều	Nguyễn Trọng Khánh	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
9	Âm nhạc 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long	Giáo dục Việt Nam
10	Mỹ thuật 8	Chân trời sáng tạo 2	Nguyễn Thị May	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 8	Cánh diều	Đinh Quang Ngọc	Đại học Sư phạm
12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 8	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục Việt Nam

4.3. Danh mục lựa chọn SGK lớp 7 năm học 2024-2025:

STT	Tên bộ sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Toán 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam

STT	Tên bộ sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
3	Tiếng anh 7	Global Success	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học tự nhiên 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử và địa lý 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang, Đào Ngọc Hùng	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 7	Cánh diều	Nguyễn Tất Thắng	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
9	Âm nhạc 7	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính	Giáo dục Việt Nam
10	Mỹ thuật 7	Chân trời sáng tạo 2	Nguyễn Thị May	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp	Đại học Sư phạm
12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 7	Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên	Giáo dục Việt Nam

4.4. Danh mục lựa chọn SGK lớp 6 năm học 2024-2025:

STT	Tên bộ sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Nguyễn Huy Đoan (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
4	Giáo dục công dân 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Mai Phương (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học tự nhiên 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Đinh Đoàn Long, Lê Kim Long, Bùi Gia Thịnh (đồng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
6	Lịch sử	Kết nối tri thức	Vũ Minh Giang (Tổng chủ	Giáo dục Việt Nam

STT	Tên bộ sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
	và Địa lí 6	với cuộc sống	biên), Nghiêm Đình Vỹ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên)	
7	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công, Hà Đăng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 6	Cánh diều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng chủ biên), Trần Thị Lan Hương (Chủ biên)	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
9	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 6	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên), Đinh Quang Ngọc (chủ biên)	Đại học Sư phạm
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (đồng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng của cơ sở giáo dục:

- Năm học 2022 - 2023, 2023-2024 trường thực hiện công tác tự đánh giá theo hướng dẫn của Thông tư 18/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo.
- Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, trường tiếp tục đề xuất, tham mưu với UBND huyện, Phòng GD&ĐT và chính quyền địa phương đầu tư, bổ sung các tiêu chí chưa đạt của trường chuẩn quốc gia (tăng cường cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, thiết bị dạy học,...)
- Tháng 10 năm 2024, trong chương trình nông thôn mới kiểu mẫu, trường được đầu tư xây dựng thêm 1 dãy phòng học và nhà đa năng để đủ số phòng theo tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

- Hiện trường đang hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá để được đánh giá ngoài công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 trong năm học 2024-2025

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

- Số hs tuyển sinh đầu cấp (lớp 6) năm học 2024-2025: 219 hs trong đó 204 hs đúng tuyển, 15 học sinh trái tuyển.

- Đạt tỷ lệ tuyển sinh: 97.3 so với chỉ tiêu được giao

- Huy động 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	169				169
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	151 (89.35%)				151 (89.35%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	14 (8.28%)				14 (8.28%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	4 (2.37%)				4 (2.37%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 20/7/2022)	774	309	230	235	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	750 (96.9%)	304 (98.4%)	222 (96.5%)	224 (95.3%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	24 (3.1%)	5 (1.62%)	8 (3.48%)	11 (4.68%)	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	169				169
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	71 (42.01%)				71 (42.01%)

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	61 (36.09%)				61 (36.09%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	37 (21.89%)				37 (21.89%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 20/7/2022)	774	309	230	235	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	178 (23%)	59 (19.09%)	54 (23.48%)	65 (27.66%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	359 (45.22%)	147 (47.57%)	106 (46.09%)	106 (45.11%)	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	223 (28.94%)	100 (32.36%)	64 (27.83%)	59 (25.11%)	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	14 (1.81%)	3 (0.97%)	6 (2.61%)	5 (2.13%)	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	943	309	230	235	169
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	921 (97.67%)	307 (99.35%)	217 (94.45%)	228 (97.02%)	169 (100%)
1.1	<i>áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011</i>	169 (100%)				169 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	62 (36.69%)				62 (36.69%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	58 (34.32%)				58 (34.32%)
1.2	<i>(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 20/7/2022)</i>	774	309	230	235	
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	1			1 (0.42%)	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	178 (23%)	59 (19.09%)	54 (23.48%)	65 (27.66%)	
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	14 (1.81%)	3 (0.97%)	6 (2.61%)	5 (2.13%)	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0				
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	1			1	
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	6	1	3	1	1

6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0				
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3				3
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	16+10				16+10
2	Cấp thành phố	3+5				3+5
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	169				169
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	169				169
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	62				62 (36.69%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	58				58 (34.32%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	49				49 (28,99%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	474/469	160/149	118/112	104/131	92/77
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	2				2

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Quyết toán năm học 2023 -2024 (tính đến 31/8/2024):

TT	Nội dung	Thực hiện
(1)	(2)	(3)
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	415.831.832
1.2	Mức thu (cấp bù học phí)	408.270.000
1.3	Tổng số thu trong năm	824.101.832
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	824.101.832
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	824.101.832
1.6	Số chi trong năm	531.356.000
	Trong đó:-Bổ sung chi lương	531.356.000
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	-Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	-Chi khác	
1.7	Số dư cuối năm	292.745.832
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	

2	Dạy thêm học thêm	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
2.1.2	Mức thu(8.500đ/1 tiết)	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	2.447.889.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.447.889.000
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	2.447.889.000
2.1.6	Số chi trong năm	2.446.617.000
	Trong đó:-Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ Trách lớp học (x 70%)	1.713.522.000
	-Chi công tác quản lý, chỉ đạo (x 15%)	367.183.000
	-Chi khấu hao cơ sở vật chất + Phúc lợi (x 15%)	365.912.000
2.1.7	Số dư cuối năm	
	Trong đó: - Dư quỹ phúc lợi	0
	- Dư chi CSVC	1.272.000
3	Dịch vụ Trông giữ xe	
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
3.2	Mức thu(25.000đ/tháng với xe đạp thường; 40.000đ/tháng đối với xe đạp điện)	
3.3	Tổng số thu trong năm	185.190.000
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	185.190.000
3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	185.190.000
3.6	Số chi trong năm	167.671.000
3.7	Số dư cuối năm	
	Trong đó: - Dư quỹ phúc lợi	
	- Dư chi CSVC	17.519.000
4	Quỹ Nước uống học sinh	
	Số dư năm trước chuyển sang	0
5.1	Số học sinh	
5.2	Mức thu (10.000đ/tháng)	
5.3	Tổng số thu trong năm	80.585.000
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	80.585.000
5.5	Đã chi	80.585.000
5.6	Dư	0
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Tính đến 31/1/2024)	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Ngân sách cấp năm 2023	8.279.020.835
2	Chi ngân sách	8.279.020.835
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.707.519.835
	Chi thanh toán cá nhân	6.771.201.435
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	532.692.811
	Chi tiền điện thấp sáng, tiền nước sinh hoạt, tiền khoán phương tiện theo chế độ; Chi trả cước điện thoại, Internet; sách báo tạp chí	118.379.589
	Chi mua sắm sửa chữa	37.985.000
	Chi thuê mướn: Thuê thiết bị, thuê lao động, thuê mướn khác	182.000.000
	Chi khác	65.261.000
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	571.501.000

	Chi thanh toán cá nhân	347.696.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	10.400.000
	Chi mua sắm sửa chữa	198.525.000
	Chi khác	14.880.000
3	Số dư	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi

Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết. Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể... Kết quả HSG các cấp:

- Kết quả học sinh giỏi văn hóa- KHKT:

+ Cấp thành phố : 1 giải Nhất - Mỹ thuật; 1 nhì Địa lý, 1 KK Tiếng anh

+ Cấp huyện: Tính cả KHKT đạt 16 giải

1 giải Nhất (TA); 4 Nhì (1 Toán, 1 Văn, 1 Tin, 1 MT), 3 Ba (1 Địa, 1 TA, 1 Toán); 6 KK (1 Toán, 1 Sử, 1 Hóa, 1 Địa, 1 CN, 1 Tin), 2 Nhì -KHKT (4 hs/2 giải Nhì đồng đội)

- Viết Thư pháp Huyện: 2 giải Nhì, 1 giải Ba, 1 KK

- HKPD TP: 1 giải Nhất, 1 giải Nhì môn Tewondo, 1 giải Ba (cờ vua)

- Các cuộc thi phối hợp:

+ Thi MC TP: 1 giải Ba

+ Thi vẽ tranh:

. Vẽ tranh ngày thủy nguyên quật khởi : 1 giải ba, 1 giải triển vọng.

. Vẽ tranh theo sách báo: Huyện 1 giải nhì, 1 giải kk - Thành phố 1 giải nhì.

+ Thi viết Thư pháp vòng huyện : 2 giải Nhì, 1 giải Ba, 1 KK

+ Thi Sáng kiến bảo vệ TTAT trường học : 1 Giải ba

2. Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học:

- Ban giám hiệu đã xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các tổ chuyên môn, các giáo viên bám sát văn bản chỉ đạo của cấp trên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, chú trọng phát triển năng lực, phẩm chất người học. Các tổ, nhóm chuyên môn cũng đã tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học đảm bảo kế hoạch ; tham gia cùng cụm chuyên môn số 2 tổ chức Hội thảo chuyên môn cấp huyện tháng 12/2023; Phối hợp với các trường trong huyện tham gia chuyên đề cấp thành phố tháng 10/2023.

- Giáo viên tích cực tham gia các buổi hội thảo do Sở GD & ĐT và Phòng GD&ĐT tổ chức; thường xuyên trao đổi với đồng nghiệp trong và ngoài trường về phương pháp dạy học.

3. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, đảm bảo an toàn trường học:

- Ban giám hiệu đã xây dựng kế hoạch tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh và đảm bảo an toàn trường học; chỉ đạo GVCN, giáo viên bộ môn triển khai dạy lồng ghép trong các môn học, các buổi chào cờ, SH lớp,...

- Trong năm học, nhà trường đã phối hợp với Công an huyện Thủy Nguyên tổ chức 02 buổi tập huấn về An toàn giao thông, phòng chống ma túy, bạo lực học đường, phòng cháy chữa cháy và phòng chống đuối nước (tháng 10/2023, tháng 5/2024); phối hợp với Trung tâm Y tế huyện Thủy Nguyên tổ chức tuyên truyền, GD giới tính, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên cho gần 200 HS khối 8,9; phối hợp với Trung tâm GD trẻ khuyết tật tổ chức buổi giao lưu nghệ thuật, ủng hộ trẻ khuyết tật. Đầu năm học và cuối HKI, nhà trường phối hợp với Công an xã tổ chức cho CBGVNV, PHHS và học sinh kí cam kết chấp hành Luật Giao thông đường bộ; cam kết thực hiện nghị định của Chính phủ về việc cấm sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng pháo nổ, đốt thả đèn trời.

4. Ứng dụng Công nghệ thông tin, chuyển đổi số

* Công tác chỉ đạo. Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

* Kết quả

STT	Nội dung	Kết quả năm học 2023-2024
1	Khoá học trên LMS	100% CB, GV tham gia đầy đủ https://taphuan.cSDL.edu.vn/
2	Truy cập kho học liệu trên Website của trường	Trang Website của nhà trường thường xuyên đưa tin, cập nhật nội dung hoạt động của nhà trường: https://thcskienbai.haiphong.edu.vn/homegd2 Sử dụng ứng dụng EnetViet
3	Phần mềm quản lý dạy và học	Đa số GV sử dụng tốt các phần mềm: - Phần mềm dạy học Zoom meeting; Microsoft Teams; Google meet... Cập nhật dữ liệu đầy đủ đúng thời gian các phần quản lý cán bộ, quản lý CSDL, quản lý chuyên môn. https://haiphong.qLcb.vn/

		https://csdl.haiphong.edu.vn/ https://qlcm.haiphong.edu.vn/
4	Phần mềm quản lý kế toán	Phần mềm kế toán, QLCB, PM QLTS https://qltsapp.misa.vn/fixedassetlist https://haiphong.qlcb.vn/View/Dashboard/Dashboard https://mimosaapp.misa.vn/treasury Triển khai các khoản thu qua sisap đạt trên 90%
5	Tuyển sinh đầu cấp	Tổ chức tuyển sinh 100% trực tuyến theo đường http://tuyensinhdaucap.haiphong.edu.vn/dang-ky
6	Triển khai chữ kí số	100% CBGV đã cài đặt thành công tài khoản chữ kí số

5. Kết quả thi đua trong năm học:

- **Cá nhân:** GV đạt danh hiệu CSTĐCS: 03 đ/c; LĐTT: 23 đ/c.

- Tập thể:

- + Tập thể trường: được UBND TP công nhận Tập thể lao động tiên tiến.
- + Chi bộ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- + Công đoàn: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- + Liên đội: đạt Liên đội mạnh cấp thành phố.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024 của trường THCS Kiên Bái.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện;
- Công khai trên bảng tin của trường;
- Công khai trên Website của trường;
- Lưu KT, VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Hồng Trân